TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **176**/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 07/9/2023.
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Yên.

2. Bà Lò Thị Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự và quyết định hoãn phiên tòa số 32 ngày 31/8/2023:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Y, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Chí 1, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thế T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tiểu khu 3, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 6 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày.

Chị và anh T kết hôn với nhau từ ngày 07/3/2012, trên cở sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chi Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi kết hôn chị Y về sinh sống cùng với với anh T tại tiểu khu 3, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong lối sống. Mâu thuẫn trong gia đình thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị Y đã chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ chị tại Thôn Chí 1, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, chính thức ly thân từ tháng 5 năm 2021.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Yên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 26/10/2012 và cháu Đỗ Trung P, sinh ngày 18/10/2014, khi chị về ở bên Phú Thọ, chị Y mang cháu Đỗ Trung P đi cùng còn cháu Đỗ Minh Q ở với anh T.

Nếu ly hôn chị xin nuôi cháu Đỗ Trung P, còn cháu Đỗ Minh Q sẽ do anh T nuôi.

Sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh T phải góp tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Không có gì.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không đề nghị gì thêm.

Về án phí: Chị Y xin chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về T phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị Y. Xử cho chị Phùng Thị Y được ly hôn với anh Đỗ Thế T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trung P, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Phùng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc giáo dục đến khi cháu trưởng T 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 26/10/2012 cho anh Đỗ Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc giáo dục đến khi cháu trưởng T 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Phùng Thị Y không yêu cầu nên không đề cập việc giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

3.Về án phí: Chị Phùng Thị Y phải chị án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, chị Phùng Thị Y đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Thế T cố tình không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn chị Phùng Thị Y đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với Tiểu khu trưởng tiểu khu 3, xã Nà Mường huyện Mộc Châu được biết.

Sau khi chị Y kết hôn với anh T, chị Y về chung sống cùng với bố mẹ anh T tại tiểu khu 3, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Đến đầu năm 2022 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không đạt kết quả. Sau đó chị Y đã đi khỏi địa phương, không còn ở tại tiểu khu 3, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu nữa.

Về con chung có hai cháu, tuy nhiên hiện nay chỉ thấy còn mình cháu Q ở với anh T.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, tiểu khu đã nhận được và đã đến nhà giao cho anh T nhưng anh T không nhận, nên tiểu khu đã giao lại cho ông Thủy là bố của anh T nhận để giao cho anh T.

Xác minh với ông Đỗ Thế Thủy là bố đẻ của anh Đỗ Thế T được biết.

Sau khi kết hôn chị Y và anh T chung sống cùng với vợ chồng ông.

Quá trình chung sống chị Y và anh T có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ông cũng đã nhiều lần khuyên ngăn, nhưng không T.

Quá trình chung sống chị Y và anh T có với nhau 02 con chung là cháu Đỗ Minh Q và cháu Đỗ Trung P, khi chị Y về ở bên Phú Thọ, chị Y mang cháu Đỗ Trung P đi cùng, còn cháu Đỗ Minh Q ở với anh T và vợ chồng ông.

Về tài sản chung: Không có gì.

Về nợ chung: Đến thời điểm hiện tại không thấy ai đến đòi nợ.

Các văn bản tố tụng của Tòa án do tiểu khu giao, ông Thủy đã nhận được, đã giao cho anh T, còn việc anh T có đến Tòa án để giải quyết việc không thì ông không rõ.

Như vậy việc anh Đỗ Thế T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cố tình không có mặt để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tổ tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T kết hôn với nhau từ ngày 07/3/2012, có được tìm hiểu việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Việc kết hôn của hai anh chị đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị Y về chung sống với gia đình anh T cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn cãi nhau do không cải thiện được quan hệ gia đình hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021, chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó không ai qua lại thăm hỏi nhau nữa.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Y và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phùng Thị Y và xử cho chị Phùng Thị Y được ly hôn với anh Đỗ Thế T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống hai anh chị có với nhau 02 con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 26/10/2012 và cháu Đỗ Trung P, sinh ngày 18/10/2014.

Từ khi chị Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bên Phú Thọ, chị Y mang cháu Đỗ Trung P đi cùng còn cháu Đỗ Minh Q ở với anh T.

Tòa án đã ghi ý kiến của cháu Đỗ Minh Q về nguyện vọng của cháu ở với bố hay mẹ sau khi bố và mẹ ly hôn. Cháu Q đã có ý kiến sau khi bố, mẹ ly hôn cháu Q xin ở với anh T.

Cháu Đỗ Trung Phung cũng có ý kiến, sau khi bố và mẹ ly hôn. Cháu P xin ở với chị Y.

Xét thấy hiện nay các cháu đang ở ổn định, chị Y không có tranh chấp về việc nuôi con.

Do đó xét nguyện vọng của chị Y và nguyện vọng của các cháu.

Giao cháu Đỗ Trung P, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Phùng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc giáo dục đến khi cháu trưởng T 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 26/10/2012 cho anh Đỗ Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc giáo dục đến khi cháu trưởng T 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Phùng Thị Y không yêu cầu anh Đỗ Thế T phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị nên không đề cập việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, vay nợ chung: Chị Phùng Thị Y xác định chị và anh T không có tài sản chung và vay nợ chung, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phùng Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Phùng Thị Y được ly hôn với anh Đỗ Thế T.

2. Về con chung:

Giao cháu Đỗ Trung P, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Phùng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc giáo dục đến khi cháu trưởng T 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 26/10/2012 cho anh Đỗ Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc giáo dục đến khi cháu trưởng T 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Phùng Thị Y không yêu cầu anh Đỗ Thế T phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị nên không đề cập việc giải quyết.

3.Về tài sản chung: Không có, vay nợ chung: Chị Phùng Thị Y xác định chị và anh T không có tài sản chung và vay nợ chung, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002982 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh